

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (3 THÁNG, NĂM 2021)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (03 THÁNG, NĂM 2021)	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.942.175.000	1.996.348.549	40,39
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	100.000.000		0,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	129.900.000	22.064.549	16,99
3	Thu bổ sung	4.712.275.000	1.609.168.000	34,15
	- Thu bổ sung cân đối	4.486.675.000	1.609.168.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	225.600.000		0,00
4	Thu chuyển nguồn		365.116.000	
II	TỔNG SỐ CHI	4.912.175.000	800.953.589	16,31
1	Chi đầu tư phát triển			#DIV/0!
2	Chi thường xuyên	4.912.175.000	800.953.589	16,31
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Ninh

Bạch Đăng, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN TẶNG



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I (03 THÁNG, NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV (12 THÁNG, NĂM 2020)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		4.942.175	0	1.996.348,5		40,39
I	Các khoản thu 100%		100.000	0	0,0		0,00
	Phí, lệ phí		10.000				0,00
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		80.000				0,00
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		10.000				0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		129.900	0	22.064,5		16,99
1	Các khoản thu phân chia		77.900		10.611,4		13,62
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		3.900				0,00
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		4.000		3.000,0		75,00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		70.000		7.611,4		10,87
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		52.000		10.999,5		21,15
	Thuế thu nhập cá nhân		16.000		1.440,0		9,00

	Thuế giá trị gia tăng hộ cá thể	36.000	9.559,5	26,55
3	Thu tiền sử dụng đất		453,6	#DIV/0!
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV	Thu chuyển nguồn		365.116,0	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.712.275	1.609.168,0	34,15
	- Thu bổ sung cân đối	4.486.675	1.609.168,0	35,87
	- Thu bổ sung có mục tiêu	225.600	0,0	0,00

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Ninh

Trần Văn Tạng

Bách Đằng, ngày 05 tháng 4 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I(03 THÁNG, NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I (3THÁNG, NĂM 2021)					SO SÁNH %	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3	
	TỔNG CHI	4.942.175	0	4.846.410	800.952	0	800.952	16,21	#DIV/0!	16,53	
	Trong đó				0						
1	Chi giáo dục	0									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công				0						
3	Chi y tế				0						
4	Chi quốc phòng	225.171		212.638	38.789		38.789	17,23		18,24	
5	Chi an ninh	89.889		148.007	11.775		11.775	13,10		7,96	
6	Chi văn hóa, thông tin	215.219		196.099	44.663		44.663	20,75		22,78	
7	Chi phát thanh, truyền thanh	35.920		545.395	5.967		5.967	16,61		1,09	
8	Chi thể dục thể thao	39.000		25.000	0			0,00		0,00	
9	Chi bảo vệ môi trường	75.000		50.000	0			0,00		0,00	
10	Chi các hoạt động kinh tế	50.000		46.000	0			0,00		0,00	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.648.400		2.990.773	580.137		580.137	15,90		19,40	
12	Chi cho công tác xã hội	475.166		560.646	106.359		106.359	22,38		18,97	
13	Chi khác	88.410		71.852	13.262		13.262	15,00		18,46	
14	Dự phòng ngân sách										

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Bạch Đăng, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Nguyễn Văn Ninh

Trần Văn Tăng